

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**
Số: 605 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Gia Lai, ngày 18 tháng 09 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

Căn cứ Luật Tài nguyên nước năm 2012;

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3730/TTr-STNMT ngày 09/9/2021 về việc Phê duyệt ban hành Danh mục hồ, ao, đầm không
được san lấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt ban hành Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai gồm: 319 hồ, ao, đầm không được san lấp (*Chi tiết Danh mục phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Công bố Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, thống kê, cập nhật và tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm trong công tác phối hợp quản lý, bảo vệ, rà soát, thống kê, cập nhật điều chỉnh, bổ sung Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Thông báo, phổ biến nội dung Quyết định này đến Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý thuộc Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai để biết và triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn niêm yết công khai Danh mục hồ, ao, đầm, không được san lấp trên địa bàn tại Trụ sở cơ quan, đơn vị.

- Rà soát, thống kê, đề xuất điều chỉnh, bổ sung Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn. Quản lý chặt chẽ không để xảy ra hoạt động san lấp hồ, ao, đầm trái phép trên địa bàn theo quy định; trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý hồ, ao, đầm: Xây dựng kế hoạch quản lý, thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ và bảo vệ hồ, ao, đầm, không được san lấp; trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm kịp thời phối hợp với cơ quan có thẩm quyền ở địa phương để xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm của cộng đồng dân cư: Không được san lấp, lấn chiếm trái phép hồ, ao, đầm sử dụng cho mục đích cá nhân, các hành vi vi phạm các quy định về quản lý, khai thác, sử dụng hồ, ao, đầm không được san lấp sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND (báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- Cục Quản lý Tài nguyên nước (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Gia Lai
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, NL, CNXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Tiến Đông

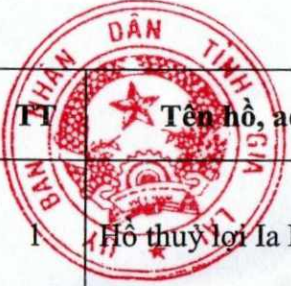
PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC HỒ, AO, ĐÀM KHÔNG ĐƯỢC SAN LẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số: 605 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 09 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
I	Thành phố Pleiku				
1	Hồ chứa nước Biển Hồ A	Xã Biển Hồ	23.000.000	2.293.500	Bảo vệ nguồn nước và cấp nước sinh hoạt, công nghiệp
2	Hồ Cạn Biển Hồ	Thuộc Lâm Viên Biển Hồ, xã Biển Hồ		34.290	Cấp nước sản xuất nông nghiệp (chỉ mùa mưa mới có nước)
3	Hồ chứa nước Biển Hồ B	Xã Biển Hồ, xã Tân Sơn, Pleiku và Nghĩa Hưng, Chư Păh	12.400.000	2.903.700	Điều hòa khí hậu, cấp nước sản xuất nông nghiệp, cảnh quan
4	Hồ chứa nước Diên Hồng	Tổ 5, phường Diên Hồng		264.900	Hồ chứa nước, thoát nước phục vụ du lịch, cảnh quan công viên
5	Hồ Bà Zĩ	Làng Bông Phun, xã Chư Á		55.000	Tưới tiêu, phục vụ sản xuất nông nghiệp
6	Hồ Ia Hung	Làng D, xã Gào	100.000	54.740	Cấp nước sản xuất nông nghiệp
7	Hồ Ia Nao	Làng Thông Yố, xã Ia Kênh	100.000	39.000	Cấp nước sản xuất nông nghiệp
8	Hồ Ia Xe	Làng Thông Yố, xã Ia Kênh	10.000	1.500	Cấp nước sản xuất nông nghiệp (chỉ mùa mưa mới có nước)
9	Hồ Trà Đa	Thôn 4 xã Trà Đa	500.000	84.000	Tưới tiêu, phục vụ sản xuất nông nghiệp
10	Hồ nông trường Trà Đa	Thôn 4, xã Trà Đa		30.000	Cấp nước sản xuất nông nghiệp
II	Thị xã Ayun Pa				



STT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
1	Hồ thủy lợi Ia Rô	Buôn Khăn, xã Ia Sao	3.800.000	452.000	Cấp nước tưới nông nghiệp cho 02 xã Ia Rô và Ia Sao và cung cấp nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn thị xã Ayun Pa
2	Hồ Bôn Sar	Bôn Sar, xã Ia Rbol	20.000	10.000	Tích nước, nuôi thủy sản và cung cấp nước sản xuất nông nghiệp
III	Thị xã An Khê				
1	Bàu (Ao) Dồn	Thôn 5, xã Thành An	550.000	100.000	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
2	Hồ chứa ông Tâm	Thôn 5, xã Thành An	15.000	5.000	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
3	Hồ chứa ông Toàn	Thôn 5, xã Thành An	9.000	3.000	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
4	Hồ chứa ông Đào	Thôn 4, xã Thành An	12.000	4.000	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
5	Bàu (Ao) Rộc Gáo	Thôn An Xuân 1, Xã Xuân An	22.380	7.460	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
6	Bàu (Ao) Phụng Hiên	Thôn An Xuân 1, Xã Xuân An	3.820	1.100	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
7	Bàu (Ao) Rộc Lớn	Thôn An Xuân 1, Xã Xuân An	8.280	3.310	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
8	Bàu (Ao) Bằng	Thôn An Xuân 1, Xã Xuân An	29.970	9.960	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
9	Bàu (Ao) Rộc Sạn	Thôn An Xuân 1, Xã Xuân An	46.240	13.210	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
10	Bàu (Ao) Mới	Thôn An Xuân 2, Xã Xuân An	47.710	13.630	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
11	Bàu (Ao) Cây Da	Thôn An Xuân 2, Xã Xuân An	150.280	35.750	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
12	Bàu (Ao) Cây Ké	Thôn An Xuân 2, Xã Xuân An	210.750	42.150	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
13	Bàu (Ao) Trè	Thôn An Xuân 3, Xã Xuân An	14.850	5.940	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
14	Bàu (Ao) Miếu	Thôn An Xuân 3, Xã Xuân An	9.750	5.940	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
15	Bàu (Ao) Cừ	Thôn An Xuân 3, Xã Xuân An	19.380	7.250	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
16	Bàu (Ao) Hộ	Thôn An Thạch, Xã Xuân An	39.380	11.250	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
17	Bàu (Ao) Mừng Quân	Thôn An Thạch, Xã Xuân An	9.980	3.990	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
18	Bàu (Ao) Trước	Thôn An Thạch, Xã Xuân An	19.500	5.570	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
19	Bàu (Ao) Hòn Lúp	Thôn An Thạch, Xã Xuân An	6.140	3.080	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
20	Bàu (Ao) Cây Thị	Thôn An Thạch, Xã Xuân An	64.860	14.650	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
21	Bàu (Ao) Trè	Thôn An Thạch, Xã Xuân An	12.410	8.270	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
22	Bàu (Ao) Lớn	Thôn An Thượng 2, xã Song An	20.000	5.600	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
23	Bàu (Ao) Chán Hai	Thôn An Thượng 2, xã Song An	1.500	1.470	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
24	Bàu (Ao) Hữu	Thôn An Thượng 3, xã Song An	2.000	2.610	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
25	Bàu (Ao) Chuyền	Thôn An Thượng 3, xã Song An	2.200	1.920	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
26	Bàu (Ao) Rộc Quý	Thôn Thượng An 1, xã Song An	5.200	1.450	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
27	Bàu (Ao) Hòn Cỏ	Thôn Thượng An 2, xã Song An	231.400	46.280	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
28	Bàu (Ao) Cây Xoài	Thôn Thượng An 3, xã Song An	12.800	2.560	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
29	Bàu (Ao) Truyền	Thôn Thượng An 3, xã Song An	1.500	2.430	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
30	Bàu (Ao) Lớn	Thôn Thượng An 3, xã Song An	4.500	5.920	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
31	Bàu (Ao) Lùn	Thôn Thượng An 3, xã Song An	1.700	4.280	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
32	Bàu (Ao) Thanh	Thôn Thượng An 3, xã Song An	2.000	2.890	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
33	Bàu (Ao) Hạp	Thôn Thượng An 3, xã Song An	1.845	3.690	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
34	Bàu (Ao) Ấu	Thôn Thượng An 3, xã Song An	10.110	10.110	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
35	Bàu (Ao) Ngoài	Thôn Thượng An 3, xã Song An	950	2.400	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
36	Bàu (Ao) Xu	Thôn Thượng An 1, xã Song An	400	800	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
37	Bàu (Ao) Trong	Thôn Thượng An 3, xã Song An	420	1.050	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
38	Bàu (Ao) Mới	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	20.024	5.580	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
39	Bàu (Ao) Chánh	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	34.248	11.510	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
40	Bàu (Ao) Trại	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	10.712	7.390	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
41	Bàu (Ao) Hóc Quýt	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	5.902	4.390	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
42	Bàu (Ao) Lỗ Bún	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	18.939	10.320	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
43	Bàu (Ao) Bàng	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	56.592	17.140	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
44	Bàu (Ao) Lở An Điền Nam	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	7.529	4.520	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
45	Bàu (Ao) Tập Thể	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	4.089	1.390	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
46	Bàu (Ao) Cây Sanh	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	20.010	3.260	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
47	Bàu (Ao) Bông Giang I	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	960	1.200	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
48	Bàu (Ao) Bông Giang II	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	6.305	3.580	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
49	Bàu (Ao) Lớn Cây Sanh	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	36.561	19.980	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
50	Bàu (Ao) Cả	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	22.617	6.950	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
51	Bàu (Ao) Sen	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	96.296	28.430	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
52	Bàu (Ao) Phụng	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	84.606	29.850	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
53	Bàu (Ao) Cây Lớ An Điền Bắc 2	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	19.416	10.890	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
54	Bàu (Ao) Làng	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	107.318	21.120	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
55	Bàu (Ao) Mười A	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	141.127	34.970	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
56	Bàu (Ao) Hóc Ngõ	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	14.704	3.370	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
57	Bàu (Ao) Hóc Cối	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	3.690	4.100	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
58	Bàu (Ao) Quy	Thôn An Điền Bắc, xã Cừu An	6.477	6.480	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
59	Bàu (Ao) Bờ Đập	Thôn An Điền Bắc, xã Cừu An	600	1.000	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
60	Bàu (Ao) Lớn Sinh	Thôn An Điền Bắc, xã Cừu An	53.942	11.510	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
61	Bàu (Ao) Nhỏ An Điền Bắc 1	Thôn An Điền Bắc, xã Cừu An	11.574	2.960	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
62	Bàu (Ao) Nhỏ An Điền Bắc 2	Thôn An Điền Bắc, xã Cừu An	2.694	4.490	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
63	Bàu (Ao) Hóc Rỏi	Thôn An Điền Bắc, xã Cừu An	2.592	3.240	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
64	Bàu (Ao) Tre An Điền Bắc 1	Thôn An Điền Bắc, xã Cừu An	12.500	3.540	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
65	Bàu (Ao) Me	Thôn An Điền Bắc, xã Cừu An	2.500	8.720	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
66	Bàu (Ao) Hóc Phong (Bàu Mới An Điền Bắc 2)	Thôn An Điền Bắc, xã Cừu An	2.438	2.140	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
67	Bàu (Ao) Tre Con Ến	Thôn An Bình, xã Cừu An	6.969	14.290	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
68	Bàu (Ao) Mừng Quân	Thôn An Bình, xã Cừu An	24.732	7.640	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
69	Bàu (Ao) Lò Gạch	Thôn An Bình, xã Cừu An	4.500	2.640	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
70	Bàu (Ao) Lát	Thôn An Bình, xã Cửu An	7.920	4.160	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
71	Bàu (Ao) Cây Bông	Thôn An Bình, xã Cửu An	5.687	6.210	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
72	Bàu (Ao) Rộc Bành	Thôn An Bình, xã Cửu An	5.140	3.710	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
73	Bàu (Ao) Cây Táo	Thôn An Bình, xã Cửu An	12.741	3.330	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
74	Bàu (Ao) Tre Ngô	Thôn An Bình, xã Cửu An	7.448	5.320	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
75	Bàu (Ao) Hộ	Thôn An Bình, xã Cửu An	35.300	17.650	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
76	Bàu (Ao) Rừng Cũ	Thôn An Bình, xã Cửu An	11.375	4.790	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
77	Bàu (Ao) Sáng	Thôn An Bình, xã Cửu An	11.323	2.710	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
78	Bàu (Ao) Tre An Bình	Thôn An Bình, xã Cửu An	3.871	7.800	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
79	Bàu (Ao) Sau	Thôn An Bình, xã Cửu An	6.765	3.860	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
80	Bàu (Ao) Sinh	Thôn An Bình, xã Cửu An	3.593	1.010	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
81	Bàu (Ao) Rộc Lách	Thôn An Bình, xã Cửu An	20.528	6.680	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp



STT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
82	Bàu (Ao) Dừng	Thôn An Bình, xã Cửu An	6.045	4.480	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
83	Bàu (Ao) Giáng Hương	Thôn An Bình, xã Cửu An	14.620	9.260	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
84	Bàu (Ao) Cây Chanh	Thôn An Bình, xã Cửu An	9.643	2.580	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
85	Bàu (Ao) Lỡ	Thôn An Bình, xã Cửu An	15.000	4.290	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
86	Bàu (Ao) Kè	Thôn An Bình, xã Cửu An	5.953	1.480	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
87	Hồ Mười Thiều	Xã Cửu An			Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
88	Bàu (Ao) Rộc Dỡ	Thôn Cửu Đạo, xã Tú An	2.856	2.380	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
89	Bàu (Ao) Cây Cui	Thôn Cửu Đạo, xã Tú An	64.860	21.620	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
90	Bàu (Ao) Yên	Thôn Cửu Đạo, xã Tú An	41.685	11.910	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
91	Bàu (Ao) Rộc Tảo	Thôn Cửu Đạo, xã Tú An	15.624	3.720	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
92	Bàu (Ao) Lượng	Thôn Cửu Đạo, xã Tú An	7.320	6.100	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
93	Bàu (Ao) Rộc Môn	Thôn Cửu Đạo, xã Tú An	6.300	5.250	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
94	Bàu (Ao) Chảo Rào	Thôn Cửu Đạo, xã Tú An	1.331	1.210	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
95	Bàu (Ao) Sùm	Thôn Tú Thủy 1, xã Tú An	26.598	12.090	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
96	Bàu (Ao) Đá	Thôn Tú Thủy 1, xã Tú An	4.797	3.690	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
97	Bàu (Ao) Mới	Thôn Tú Thủy 1, xã Tú An	45.344	14.170	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
98	Hồ suối Le	Thôn Tú Thủy 1, xã Tú An	236.340	52.520	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
199	Bàu (Ao) Lở	Tổ 1, phường An Phước	17.754	5.920	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
100	Bàu (Ao) Ấu	Tổ 1, phường An Phước	7.550	2.520	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
101	Bàu (Ao) Rộc Giãn	Tổ 1, phường An Phước	20.948	6.980	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
102	Bàu (Ao) Lò rèn	Tổ 2, phường An Phước	46.884	9.380	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
103	Bàu (Ao) Sen	Tổ 2, phường An Phước	18.009	5.150	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
104	Bàu (Ao) Nga	Tổ 2, phường An Phước	2.526	1.260	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
105	Bàu (Ao) Sinh Lã	Tổ 2, phường An Phước	10.290	3.430	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
106	Bàu (Ao) Rộc Dứa	Tổ 2, phường An Phước	8.172	5.450	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
107	Bàu (Ao) Giai	Tổ 3, phường An Phước	15.646	5.220	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
108	Bàu (Ao) Mừng Quân	Tổ 3, phường An Phước	4.752	2.380	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
109	Bàu (Ao) Rộc Tới	Tổ 3, phường An Phước	9.969	3.320	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
110	Bàu (Ao) Đáo	Tổ 3, phường An Phước	6.113	2.040	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
111	Bàu (Ao) Phở	Tổ 3, phường An Phước	20.174	6.720	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
112	Bàu (Ao) Rộc Ưu	Tổ 3, phường An Phước	5.887	3.920	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
113	Bàu (Ao) Quỳnh	Tổ 3, phường An Phước	15.876	7.940	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
114	Bàu (Ao) Lê Thai	Tổ 3, phường An Phước	9.437	3.150	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
115	Bàu (Ao) Cài	Tổ 3, phường An Phước	17.047	4.870	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
116	Bàu (Ao) Cây Thị	Tổ 3, phường An Phước	23.101	7.700	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
117	Bàu (Ao) Sinh Tòng	Tổ 3, phường An Phước	3.935	1.570	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
118	Bàu (Ao) Rộc Trâm	Tổ 3, phường An Phước	6.540	3.270	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
119	Bàu (Ao) Bằng Lễ	Tổ 3, phường An Phước	14.407	5.760	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
120	Bàu (Ao) Cây Bù	Tổ 4, phường An Phước	10.739	4.300	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
121	Bàu (Ao) Chành Rành	Tổ 4, phường An Phước	8.674	3.470	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
122	Bàu (Ao) Ngựa Tía	Tổ 4, phường An Phước	33.286	11.100	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
123	Bàu (Ao) Cây Tín	Tổ 4, phường An Phước	8.575	4.290	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
124	Bàu (Ao) Cầu Sinh	Tổ 4, phường An Phước	25.687	8.560	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
125	Bàu (Ao) Sen Rộc Hòn	Tổ 4, phường An Phước	22.149	8.860	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
126	Bàu (Ao) Vườn Cau	Tổ 4, phường An Phước	2.967	1.480	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
127	Bàu (Ao) Bà Dây	Tổ 4, phường An Phước	4.572	1.520	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
128	Bàu (Ao) Ổi	Tổ 4, phường An Phước	9.916	4.960	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
129	Bàu (Ao) Rộc Trệt	Tổ 4, phường An Phước	8.848	2.950	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
130	Bàu (Ao) Thành	Tổ 4, phường An Phước	5.401	2.700	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
131	Bàu (Ao) Chùa	Tổ 4, phường An Phước	7.122	3.560	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
132	Bàu (Ao) Lại	Tổ 4, phường An Phước	9.077	4.540	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
133	Hồ thủy điện An Khê	Phường An Phước, thị xã An Khê	15.900.000	3.400.000	Phục vụ phát điện cấp nước sinh hoạt, phòng lũ
134	Bàu (Ao) Điền	Tổ 1, phường An Bình	25.153	16.770	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
135	Bàu (Ao) Rộc Bảy	Tổ 2, phường An Bình	16.308	10.780	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
136	Bàu (Ao) Cai Năm	Tổ 3, phường An Bình	8.520	5.670	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
137	Bàu (Ao) Cây Gáo	Tổ 4, phường An Bình	15.390	10.260	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
138	Bàu (Ao) Kho	Tổ 5, phường An Bình	12.375	8.250	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
139	Bàu (Ao) Lở	Tổ 6, phường An Bình	29.895	19.930	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
140	Bàu (Ao) Kính	Tổ 4, phường Ngô Mỹ	4.140	2.280	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
141	Bàu (Ao) Lê	Tổ 4, phường Ngô Mỹ	11.000	4.800	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
142	Bàu (Ao) Mới	Tổ 4, phường Ngô Mỹ	5.800	2.360	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
143	Bàu (Ao) Da Đá	Tổ 4, phường Ngô Mỹ	6.800	3.050	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
144	Bàu (Ao) Ấm	Tổ 4, phường Ngô Mỹ	11.050	6.460	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
145	Bàu (Ao) Sen	Tổ 4, phường Ngô Mỹ	16.320	9.560	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
146	Hồ Rộc Bàu	Tổ 4, phường Ngô Mỹ	22.880	6.650	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
147	Hồ nước cạnh Núi đá	Tổ 3, phường Ngô Mỹ	3.400	1.700	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
148	Bàu (Ao) Rộc Nãi	Tổ 3, phường An Phú	9.750	3.250	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
149	Bàu (Ao) Rộc Cù	Tổ 3, phường An Phú	32.500	6.500	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
150	Bàu (Ao) Rộc Chùa	Tổ 3, phường An Phú	10.500	2.100	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
151	Bàu (Ao) Rộc Tre	Tổ 3, phường An Phú	16.000	3.200	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
152	Bàu (Ao) Dinh	Tổ 3, phường An Phú	20.500	4.100	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
153	Bàu (Ao) Rộc Còng	Tổ 2, phường An Phú	50.050	14.300	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
154	Bàu (Ao) cá Bác Hồ	Tổ 01, phường Tây Sơn	35.370	7.070	Tích trữ nước, phục vụ tưới nước cho sản xuất nông nghiệp
IV	Huyện Kbang				
1	Hồ Công viên	Tổ dân phố 4, Thị trấn Kbang	1.350	500	Chứa nước tạo cảnh quan môi trường
2	Hồ Thủy điện Ka Nak	Thị trấn K'Bang	313.700.000	17.000.000	Phát điện và phòng lũ
3	Đầm suối cạn	Thôn Thống nhất, xã Sơn Lang	450.000	150.000	Chứa nước và thoát nước
4	Đầm suối cạn	Thôn Hợp Thành, xã Sơn Lang	75.000	250.000	Chứa nước và thoát nước
5	Ao Trạm Lập	Thôn Trạm Lập, Xã Sơn Lang	12.000	4.000	Ao chứa nước
6	Hồ B thủy điện Vĩnh Sơn	Xã Sơn Lang	97.000.000	10.000.000	Phát điện và phòng lũ
7	Ao Làng Sơ Lam	Làng Sơ Lam, xã Krong	600	400	Chống hạn
8	Hồ Mơ Trai	Làng Bngăl, xã Krong	130.000	20.000	Tưới tiêu nông nghiệp
9	Hồ Đăk Dăng	Xã Lơ Ku	770.000	100.000	Tưới tiêu nông nghiệp
10	Hồ Rong	Tiểu khu 152, xã Nghĩa An	11.448	6.500	Tưới tiêu nông nghiệp
11	Hồ Lâm Sinh	Tiểu khu 152, xã Nghĩa An	111.150	40.000	Tưới tiêu nông nghiệp
12	Hồ Gu Ga	Làng Mơ Hra-Đáp, xã Kông Long Khong	495.000	40.000	Tưới tiêu nông nghiệp
13	Hồ Buôn Lưới	Thôn 3, xã Sơ Pai	1.250.000	330.000	Tưới tiêu nông nghiệp
14	Hồ Plei Tơ Kon	Khu Trại Bò, xã Sơ Pai	1.750.000	420.000	Tưới tiêu nông nghiệp
15	Hồ Thủy điện Krông Pa 2	Xã Đăk Rong	290.000	90.000	Phát điện và phòng lũ



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
16	Hồ thủy điện Đak Ble	Xã Đăk Rong	460.000	77.000	Phát điện và phòng lũ
17	Hồ Đăk Krek	Làng Kon Von 1, Xã Đăk Rong	17.500	3.500	Tưới tiêu nông nghiệp
18	Hồ C thủy điện Vĩnh Sơn	Xã Đăk Rong	58.000.000	3.200.000	Phát điện và phòng lũ
V	Huyện Kông Chro				
1	Ao, đầm	Làng Đăk Hway, xã Đăk Tơ Pang	6.000	1.200	Tưới tiêu
2	Ao, đầm	Làng Đăk Hway, xã Đăk Tơ Pang	8.000	1.500	Tưới tiêu
3	Ao, đầm	Làng Đăk Hway, xã Đăk Tơ Pang	5.000	800	Tưới tiêu
4	Ao, đầm	Làng Đăk Hway, xã Đăk Tơ Pang	19.000	3.500	Tưới tiêu
5	Ao, đầm	Làng Kúc Gmôi, xã Đăk Pơ Pho	9.000	1.500	Tưới tiêu
6	Ao	Thôn 2, xã Đăk Pơ Pho	45.000	3.500	Tưới tiêu
7	Ao, đầm	Thôn 3, xã Đăk Pơ Pho	21.600	3.600	Tưới tiêu
8	Ao, đầm	Thôn 4, xã Đăk Pơ Pho	52.500	10.500	Tưới tiêu
9	Hồ TPong	TT.Kông Chro	64.213	9.000	Tưới tiêu, sinh hoạt
11	Hồ thủy điện Đăk Srông	Thị trấn Kông Chro	2.158.000	670.000	Phát điện, phòng lũ
12	Hồ thủy điện Đăk Srông 2	Các xã: Yang Nam và Ya Ma	85.800.000	26.380.000	Phát điện, phòng lũ
13	Hồ thủy điện Đăk Srông 2A	Các xã: Yang Nam và Ya Ma	442.000	124.000	Phát điện, phòng lũ
14	Hồ thủy điện Đăk Pi Hao 2	Xã Chơ Long	195.000	350.000	Phát điện, phòng lũ
VI	Huyện Đak Pơ				
1	Bàu (Ao) cụ lão	Thôn 2, xã Hà Tam	11.050	6.500	Tưới tiêu nông nghiệp



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
2	Bàu (Ao) Thanh Niên	Thôn 2, xã Hà Tam	11.300	8.560	Tưới tiêu nông nghiệp
3	Bàu (Ao) Ông Hữu	Thôn 2, xã Hà Tam	14.475	9.560	Tưới tiêu nông nghiệp
4	Bàu (Ao) Ngọc Dũng	Thôn 2, xã Hà Tam	9.000	4.500	Tưới tiêu nông nghiệp
5	Hồ Tờ Đo	Lang Đê Chơ Gang, xã Phú An	205.000	20.510	Tưới tiêu nông nghiệp
6	Bàu (Ao) Âu	Thôn An Hoà, xã Phú An	85.000	47.400	Tưới tiêu nông nghiệp, nuôi cá
7	Bàu (Ao) Thuỷ Nông	Thôn An Phong, xã Phú An	55.000	21.980	Tưới tiêu nông nghiệp, nuôi cá
8	Bàu (Ao) máy kéo	Thôn Tân Định, xã Tân An	2.640	1.760	Tưới tiêu nông nghiệp
9	Bàu (Ao) Bảy Phụng	Thôn Tân Định, xã Tân An	4.460	1.784	Tưới tiêu nông nghiệp
10	Bàu (Ao) Ông Từu	Thôn Tân Định, xã Tân An	1.640	820	Tưới tiêu nông nghiệp
11	Bàu (Ao) Gia Đàm	Thôn Tân Tụ, xã Tân An	6.550	2.620	Tưới tiêu nông nghiệp
12	Bàu (Ao) Rộc Phồ	Thôn Tân Tụ, xã Tân An	7.308	2.923	Tưới tiêu nông nghiệp
13	Bàu (Ao) Hai Giác	Thôn Tân Tụ, xã Tân An	12.921	4.307	Tưới tiêu nông nghiệp
14	Bàu (Ao) Bà Mỹ	Thôn Tân Bình, xã Tân An	10.608	3.536	Tưới tiêu nông nghiệp
15	Bàu (Ao) Ông Mai	Thôn Tân Bình, xã Tân An	4.280	2.140	Tưới tiêu nông nghiệp
16	Bàu (Ao) Bà Thu	Thôn Tân Bình, xã Tân An	17.292	4.323	Tưới tiêu nông nghiệp
17	Bàu (Ao) Hai Thủ	Thôn Tân Hiệp, xã Tân An	5.025	2.010	Tưới tiêu nông nghiệp
18	Bàu (Ao) Đình	Thôn Tân Hiệp, xã Tân An	11.439	3.813	Tưới tiêu nông nghiệp
19	Bàu (Ao) đội 3	Thôn Tân Hoà, xã Tân An	15.806	4.516	Tưới tiêu nông nghiệp
20	Bàu (Ao) Âu	Thôn Tân Hoà, xã Tân An	16.828	8.414	Tưới tiêu nông nghiệp
21	Bàu (Ao) Sáu Hải	Thôn Tân Lập, xã Tân An	12.692	3.173	Tưới tiêu nông nghiệp
22	Bàu (Ao) Lâm Thường	Thôn Tân Lập, xã Tân An	8.901	2.967	Tưới tiêu nông nghiệp
23	Bàu (Ao) Rù Rì	Thôn Tân Lập, xã Tân An	12.193	4.877	Tưới tiêu nông nghiệp
24	Bàu (Ao) Rì An Phong	Thôn Tân Lập, xã Tân An	8.772	2.193	Tưới tiêu nông nghiệp
25	Bàu (Ao) Công đất đen	Thôn Tân Lập, xã Tân An	8.400	3.360	Tưới tiêu nông nghiệp



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
26	Bàu (Ao) Hai Hoàng	Thôn Tân Lập, xã Tân An	3.380	1.690	Tưới tiêu nông nghiệp
27	Bàu (Ao) Bà Trang	Thôn Tân Hội, xã Tân An	14.061	4.687	Tưới tiêu nông nghiệp
28	Bàu (Ao) Lở	Thôn Tân Hội, xã Tân An	16.436	8.218	Tưới tiêu nông nghiệp
29	Bàu (Ao) Ông Đào	Thôn Tân Hội, xã Tân An	4.722	3.148	Tưới tiêu nông nghiệp
30	Bàu (Ao) Ông Bốn	Thôn Tân Hội, xã Tân An	10.683	4.273	Tưới tiêu nông nghiệp
31	Bàu (Ao) Mười Lễ	Thôn Tân Phong, xã Tân An	4.700	2.350	Tưới tiêu nông nghiệp
32	Bàu (Ao) Thiệu	Thôn Tân Phong, xã Tân An	7.440	1.860	Tưới tiêu nông nghiệp
33	Bàu (Ao) Mười Thanh	Thôn Tân Phong, xã Tân An	3.370	1.685	Tưới tiêu nông nghiệp
34	Hồ Thôn Trang	Làng Jro, xã Yang Bắc	37.000	37.000	Tưới tiêu nông nghiệp
35	Hồ Klăh Môn	Làng Klăh Môn, xã Yang Bắc	5.600	5.800	Tưới tiêu nông nghiệp
36	Hồ Tà Ly I	Thôn An Thuận, xã Cư An	35.000	10.000	Tưới tiêu nông nghiệp
37	Hồ Tà Ly II	Thôn An Thuận, xã Cư An	133.000	38.000	Tưới tiêu nông nghiệp
37	Bàu (Ao) Sen	Thôn Hiệp Phú, xã Cư An	24.000	8.000	Tưới tiêu nông nghiệp
39	Bàu (Ao) Thanh Niên	Thôn Hiệp Phú, xã Cư An	21.000	7.000	Tưới tiêu nông nghiệp
40	Bàu (Ao) Đá Mài 1	Thôn An Sơn, xã Cư An	24.000	8.000	Tưới tiêu nông nghiệp
41	Bàu (Ao) Đá Mài II	Thôn An Sơn, xã Cư An	6.000	3.000	Tưới tiêu nông nghiệp
42	Bàu (Ao) Bàn Cúng	Thôn An Thuận, xã Cư An	12.000	6.000	Tưới tiêu nông nghiệp
43	Hồ Tàu Dầu	TT.Đak Pơ và xã Cư An	3.700.000	489.700	Cung cấp nước sản xuất nông, sinh hoạt, phòng lũ
44	Hồ Cà Tung	Tổ dân phố 3, TT.Đak Pơ	692.086	100.000	Cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp
45	Hồ Công viên (hồ lớn)	Tổ dân phố 2, TT.Đak Pơ	90.000	30.000	Cải tạo môi trường



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
46	Hồ Công viên (hồ nhỏ)	Tổ dân phố 2, TT.Đak Pơ	30.000	10.000	Cải tạo môi trường
47	Hồ Tiếp giáp MTTQ huyện	Tổ dân phố 2, TT.Đak Pơ	12.000	4.000	Cải tạo môi trường
48	Ao cá Bác Hồ	Tổ dân phố 2, TT.Đak Pơ	18.000	60.000	Cải tạo môi trường
49	Hồ trước TTYT huyện	Tổ dân phố 2, TT.Đak Pơ	24.000	80.000	Cải tạo môi trường
VII	Huyện Mang Yang				
1	Hồ thủy điện Ayun Trung	Xã Đê Ar và xã Kon Thụp	540.000	297.100	Phục vụ phát điện, phòng lũ, cung cấp nước sản xuất nông nghiệp
2	Hồ thủy điện Ayun Thượng 1A	Xã Lơ Pang	21.410.000	320.900	Phục vụ phát điện, phòng lũ, cung cấp nước sản xuất nông nghiệp
3	Hồ thủy điện Đak Pi Hao1	Xã Kon Chiêng	98.000	49.000	Phục vụ phát điện, phòng lũ, cung cấp nước sản xuất nông nghiệp
4	Hồ thủy điện H'Chan	Xã Đê Ar	368.000	100.000	Phục vụ phát điện, phòng lũ, cung cấp nước sản xuất nông nghiệp
5	Hồ thủy điện Plei Keo	Xã Đê Ar	620.000	145.900	Phục vụ phát điện, phòng lũ, cung cấp nước sản xuất nông nghiệp
6	Hồ thủy lợi Hra Bắc	Xã Hra	680.000	136.500	Điều hòa, giảm thiệt hại do lũ, cung cấp nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp
7	Hồ thủy lợi Hra Nam	Xã Hra	2.000.000	296.700	Điều hòa, giảm thiệt hại do lũ, cung cấp nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp
8	Hồ đập dâng nước thị trấn Kon Dong	TT.Kon Dong	224.000	50.000	Điều hòa, giảm thiệt hại do lũ, cung cấp nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
9	Hồ chứa thôn 5	Xã Ayun	4.000	1.000	Điều hòa, giảm thiệt hại do lũ, cung cấp nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp
10	Hồ Yang Trung	Xã Ayun, huyện Mang Yang			Phát điện
11	Hồ thủy điện H'Mun	Xã Bar Măih và xã Đê Ar	868.000	180.000	Phát điện và phòng lũ
VIII	Huyện Đak Đoa				
1	Hồ Đak Oí	Thôn Broach, xã Ia Dơk		351.200	Cảnh quan
2	Hồ Ia Băng	Thôn 6, xã Ia Băng	210.000	30.000	Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp
3	Hồ Doanh nghiệp Đức Cường	Thôn O Ngó, xã Ia Băng	50.000	10.000	Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp
4	Hồ Phạm Quang Đạo	Thôn O Ngó, xã Ia Băng	3.000	3.000	Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp
5	Đầm Ia Bông	Thôn O Đất, xã Ia Băng	50.000	50.000	Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp
6	Hồ Ia Nol	Thôn Breng, xã Ia Pét	3.750	1.500	Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp
7	Hồ Ba Bông	Thôn 2, xã Yang Nam	40.000	20.000	Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp
8	Hồ chứa Đak Neur	Thôn 1, xã Hải Yang	745.000	50.000	Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp
9	Hồ chứa nước gần Kho K 896	Thôn 1, xã Hải Yang		31.440	Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp
10	Hồ chứa nước suối Đak Jrang	Xã Kon Gang		22.730	Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp
11	Hồ chứa nước Công ty cà	Làng Kóp, xã Kon Gang		30.240	Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông



TT	Tên hồ, ao, đầm phế	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
					nghiệp
12	Hồ Thủy lợi (đập 3-1)	Xã Tân Bình		74.050	Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp
13	Hồ chứa nước làng Hol	Làng Hol, xã Hà Bầu		48.200	Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp
14	Hồ Ia Bắg	Làng Hol, xã Hà Bầu	60.000	30.000	Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp
15	Hồ Ia Ó	Làng Núi, xã Hà Bầu	10.000	5.000	Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp
16	Hồ chứa nước thôn 76	Thôn 76, xã Hà Bầu		15.320	Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp
17	Hồ thủy điện Đak Đoa	Xã Đak Somei và Đak Krong	29.130.000	3.276.610	Phát điện, phòng lũ, tưới tiêu cây nông nghiệp
18	Hồ thủy lợi căn cứ Hậu cần	Xã Đak Somei		599.150	Tưới tiêu
19	Hồ Cống Vôi	Thôn Cầu Vàng, xã K'Dang	38.100	12.700	Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp
20	Hồ Hnap	Làng Hnap, xã K'Dang	7.200	2.400	Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp
21	Hồ Lam Sơn	Làng Hlang, xã Hnol	2.000	1.000	Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp
22	Hồ thủy điện Đăk H'Nol	Xã Đăk H'Nol	4.400	6.000	Phát điện và tưới tiêu nông nghiệp
23	Hồ thủy điện Thác Ba	Thị trấn Đak Đoa	33.600	150.000	Phát điện tưới tiêu nông nghiệp
IX	Huyện Chư Pưh				
1	Hồ chứa Plei Thơ Ga	Thôn PleiThơ Ga, xã Chư Dôn, huyện Chư Pưh	10.450.000	1.022.000	Phục vụ tưới tiêu, điều tiết nước vùng hạ du
X	Huyện Ia Grai				



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
1	Hồ Ia Nàng	Thị trấn Ia Kha	450.000	100.000	Tích nước tưới cho các loại cây trồng cà phê, lúa nước
2	Hồ C5	Thị trấn Ia Kha	3.490.000	171.300	Tích nước tưới cà phê
3	Hồ Làng Cúc	Làng Cúc, xã Ia O	240.000	80.000	Tích nước tưới cho các loại cây trồng cà phê, lúa nước
4	Hồ đội 12	Làng Lân, xã Ia O.			Tích nước tưới cà phê
5	Hồ đội 15	Làng Kom 2, xã Ia O.			Tích nước tưới cà phê
6	Hồ đội 16	Làng Kom 1, xã Ia O.			Tích nước tưới cà phê
7	Hồ đội 17	Xã Ia O			Tích nước tưới cà phê
8	Hồ đội 18	Làng Kom 1 - xã Ia O.			Tích nước tưới cà phê
9	Hồ làng Me	Làng Blo Dung, xã Ia Hrun	240.000	80.000	Tích nước tưới cho các loại cây trồng cà phê, lúa nước
10	Hồ Ia Bong	Làng Blo Dung, xã Ia Hrun	120.000	50.000	Tích nước tưới cho các loại cây trồng cà phê, lúa nước
11	Hồ Ia Bất	Làng Blo Dung, xã Ia Hrun			Tích nước tưới cho các loại cây trồng cà phê, lúa nước
12	Hồ C5	Xã Ia Hrun			Tích nước tưới cho các loại cây trồng cà phê, lúa nước
13	Hồ đội 10	Làng Maih, Ia Hrun	1.000.000	90.000	Tích nước tưới cà phê
14	Hồ đội 4	Thôn 2, xã Ia Hrun	106.000	43.400	Tích nước tưới cà phê
15	Hồ Ia Hrun (Hồ đội 1)	Thôn 1, xã Ia Hrun	309.000	95.700	Tích nước tưới cà phê
16	Hồ Ia Thông	Làng Blo Dung, xã Ia Hrun	502.400	217.710	Tích nước tưới cà phê
17	Hồ đội 2	Thôn 1, xã Ia Hrun	120.200	86.900	Tích nước tưới cà phê
18	Hồ thủy lợi Ia Hrun	Xã Ia Hrun	2.090.000	600.000	Phục vụ tưới cà phê, lúa nước và cây trồng



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
19	Hồ Đập tràn Ia Kha (Đập tràn C3)	Thôn 1, xã Ia Hrun	300.000	117.000	Tích nước tưới cà phê
20	Hồ Ia Tâu	Làng Ngai Ngó, xã Ia Hrun	300.000	58.000	Tích nước tưới cà phê.
21	Hồ Đội 3	Thôn 1, xã Ia Hrun	54.850	61.000	Tích nước tưới cà phê.
22	Hồ Đội 5	Thôn 2, xã Ia Hrun	3.490	17.100	Tích nước tưới cà phê.
23	Hồ Ku Toong	Xã Ia Pếch	200.000	80.000	Tích nước tưới cho các loại cây trồng cà phê, lúa nước
24	Hồ Ia Lâm	Xã Ia Pếch	100.000	30.000	Tích nước tưới cho các loại cây trồng cà phê, lúa nước
25	Hồ Ia Jong	Xã Ia Pếch	240.000	80.000	Tích nước tưới cho các loại cây trồng cà phê, lúa nước
26	Hồ Ia Tá	Xã Ia Tô	210.000	90.000	Tích nước tưới cho các loại cây trồng cà phê, lúa nước
27	Hồ chứa nước Ia Tôn A	Thôn 10, xã Ia Tô		120.000	Tích nước tưới cà phê
28	Hồ chứa nước Ia Ran	Thôn 10, xã Ia Tô		90.000	Tích nước tưới cà phê
29	Hồ chứa nước Ia Pếch	Xã Ia Tô			Tích nước tưới cà phê
30	Hồ Thủy điện Ia Grai 1 (hồ A)	Xã Ia Tô	17.370.000	3.280.000	Phát điện, điều tiết lũ
31	Hồ Thủy điện Ia Grai 1 (hồ B)	Xã Ia Tô	14.000	12.000	Phát điện, điều tiết lũ
32	Hồ Thủy điện Ia Grai 2	Xã Ia Tô, Ia Krăi	5.692.000	710.000	Phát điện, điều tiết lũ
33	Hồ Làng Tốt	Xã Ia Sao		2.000	Tích nước tưới cho các loại cây trồng cà phê
34	Hồ đội 3 (bản Jút)	Xã Ia Sao	900.000		Tích nước tưới cà phê



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
35	Hồ trạm xá	Xã Ia Sao	80.000		Tích nước tưới cà phê
36	Hồ đội 8	Xã Ia Sao	50.000		Tích nước tưới cà phê
37	Hồ đập Ia Grúi	Xã Ia Chía			Tích nước tưới cho các loại cây trồng cà phê
38	Hồ đập Ia Tên	Xã Ia Dêr			Tích nước tưới cho các loại cây trồng cà phê
39	Hồ đội C3 đội 2	Xã Ia Yok	70.000		Tích nước tưới cà phê
40	Hồ đội 2	Xã Ia Yok	40.000		Tích nước tưới cà phê
41	Hồ đội 1	Xã Ia Yok	160.000		Tích nước tưới cà phê
42	Hồ đội 9 (số 1)	Xã Ia Yok	60.000		Tích nước tưới cà phê
43	Hồ đội 9 (số 2)	Xã Ia Yok	40.000		Tích nước tưới cà phê
44	Hồ đội 2	Thôn 1, Ia Yok	300.000	25.000	Tích nước tưới cà phê
45	Hồ đội 5	Thôn Hưng Bình, Ia Yok	250.000	60.000	Tích nước tưới cà phê
46	Hồ đội 2	Thôn Thái Hà, Ia Yok	2.000.000	60.000	Tích nước tưới cà phê
47	Hồ đội 2	Xã Ia Krăi	200.000		Tích nước tưới cà phê
48	Hồ 707	Thôn 2, Ia Krăi	700.000		Tích nước tưới cà phê
49	Hồ đội 4 (1)	Xã Ia Krăi	400.000		Tích nước tưới cà phê
50	Hồ đội 4 (2)	Xã Ia Krăi	100.000		Tích nước tưới cà phê
51	Hồ đội 7	Xã Ia Krăi	100.000		Tích nước tưới cà phê
52	Hồ đội 9	Xã Ia Krăi	100.000		Tích nước tưới cà phê
53	Hồ Thanh niên	Thôn 1, xã Ia Krăi	200.000		Tích nước tưới cà phê
54	Hồ đội 6	Xã Ia Krăi	200.000		Tích nước tưới cà phê
55	Hồ chứa nước Ia Tôn B	Thôn 5, xã Ia Krăi		82.000	Tích nước tưới cà phê



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
56	Hồ thủy điện Chư Prông	Xã Ia Grăng	1.242.000	238.000	Phát điện, điều tiết lũ
57	Hồ thủy điện Ia Hrun	Xã Ia Grăng	340.000	106.800	Phát điện, điều tiết lũ
58	Hồ thủy điện Ia Grai 3	Xã Ia Khai	31.690.000	3.600.000	Phát điện, điều tiết lũ
59	Hồ thủy điện Ia Grăng 1	Xã Ia Ia Bă	95.000	72.300	Phát điện, điều tiết lũ
XI	Huyện Chư Prông				
1	Hồ chứa nước thị trấn Chư Prông	Thị trấn Chư Prông	4.520.000	600.000	Điều hòa nguồn nước; sinh hoạt; tưới cà phê, tiêu, hoa màu khác
2	Hồ Hoàng Ân	Xã Ia Phìn	6.800.000	1.100.000	Điều hòa nguồn nước; tưới cà phê, tiêu, hoa màu khác
3	Hồ Ia Mua	Xã Bàu Cạn	660.000	260.000	Điều hòa nguồn nước; dịch vụ sinh thái; tưới cà phê, tiêu, chè, hoa màu khác
4	Hồ Plei Pai	Xã Ia Lâu	20.910.000	4.470.000	Điều hòa nguồn nước; dịch vụ sinh thái; tưới lúa và các loại cây trồng khác
5	Hồ Ia Mơ	Xã Ia Mơ	177.800.000	28.500.000	Điều hòa nguồn nước; dịch vụ sinh thái; sinh hoạt; tưới lúa và các loại cây trồng khác
6	Hồ chứa nước Ia Púch	Xã Ia Púch	99.000	212.000	Điều hòa nguồn nước; tưới cà phê, tiêu, cây trồng khác
7	Hồ C1	Xã Ia Pia			Tưới tiêu nông nghiệp
8	Hồ C2	Xã Ia Ver			Tưới tiêu nông nghiệp
9	Hồ C3	Xã Ia Ver			Tưới tiêu nông nghiệp



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
10	Hồ C3	Xã Ia Ver			Tưới tiêu nông nghiệp
11	Hồ thủy điện Ia Púch 3	Xã Ia O	120.000	35.000	Phát điện và phòng lũ
12	Hồ thủy điện Ia Đrăng 1	Xã Ia Đrăng	50.000	15.000	Phát điện, tưới tiêu nông nghiệp
13	Hồ thủy điện Ia Đrăng 2	Xã Ia Đrăng	10.000	15.000	Phát điện, tưới tiêu nông nghiệp
14	Hồ thủy điện Ia Đrăng 3	Xã Ia Đrăng	400.000	200.000	Phát điện, tưới tiêu nông nghiệp
15	Hồ thủy điện Ia Muar 3	Xã Ia Bòong	80.000	80.000	Phát điện, tưới tiêu nông nghiệp
16	Hồ thủy điện Ia Lốp	Xã Ia Pior	46.800	150.000	Phát điện, tưới tiêu nông nghiệp
17	Hồ thủy điện Bàu Cạn	Xã Bàu Cạn	270.000		Phát điện, tưới tiêu nông nghiệp
XII	Huyện Đức Cơ				
1	Hồ Ia Blan	Làng Đok Lăh, xã Ia Đok	78.300	187.000	Hồ chứa nước
2	Hồ Làng Mới	Làng mới, xã Ia Dok	20.500	91.000	Hồ chứa nước
3	Hồ thủy điện Ia Krel	Thôn Ia Tang, xã Ia Kla	729.000	249.000	Hồ chứa nước phục vụ phát điện và phòng lũ
4	Hồ C3	Thôn Chư Bô 1, xã Ia Nan	16.000	67.000	Hồ chứa nước
5	Hồ Tổ dân phố 5	Tổ dân phố 1, TT.Chư Ty	34.950	23.000	Hồ chứa nước
6	Hồ Sư đoàn 15 (cũ)	Tổ dân phố 7, TT.Chư Ty	8.100	47.000	Hồ chứa nước
7	Hồ Tổ dân phố 7	Tổ dân phố 7, TT.Chư Ty	14.100	17.000	Hồ chứa nước
8	Hồ Công viên Đức Cơ	Tổ dân phố 2, TT.Chư Ty	49.000	25.000	Hồ chứa nước, thoát nước tạo cảnh quan
9	Hồ C5	Thôn Đoàn Kết, xã Ia Din	7.600	14.000	Hồ chứa nước
10	Hồ C5	Làng Chan, xã Ia Pnôn	40.700	151.000	Hồ chứa nước
11	Hồ C12	Làng Chan, xã Ia Pnôn	13.000	67.000	Hồ chứa nước
12	Hồ Làng Khóp	Làng Khóp, xã Ia Krêl	9.100	32.000	Hồ chứa nước



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
13	Hồ thủy lợi Làng Sơn	Làng Sơn, xã Ia Nan	11.200	30.000	Hồ chứa nước phục vụ tưới tiêu nông nghiệp
14	Hồ thủy lợi Ia Sáp	Làng Bua, xã Ia Pnôn	7.800	43.000	Hồ chứa nước phục vụ tưới tiêu nông nghiệp
15	Hồ thủy lợi Làng Tung	Làng Tung, xã Ia Nan	20.000	30.000	Hồ chứa nước phục vụ tưới tiêu nông nghiệp
XIII	Huyện Chư Sê				
1	Hồ Hờ Míng	Thôn 16, xã Bờ Ngoong	516.460	368.900	Trữ nước, tưới cà phê, nông nghiệp
2	Hồ thủy lợi Ia Glai	Thôn Thủy Lợi, xã Ia Glai	3.600.000	700.000	Trữ nước, tưới cà phê, tiêu
3	Hồ Tai Glai	Làng Tai Glai, xã Ia Ko	150.000	50.000	Trữ nước, tưới cà phê
4	Hồ Ia Pal	Thôn Phú Cường, xã Ia Pal		117.000	Trữ nước, tưới cà phê
5	Hồ Cạn	Thôn Đoàn Kết, xã Ia Pal		18.000	Trữ nước, tưới cà phê
6	Hồ thủy lợi Ia Ríng	Thôn Ia Ríng, xã Ia Tiêm và Thôn Thái Hà, xã Chư Pong	10.760.000	1.160.000	Trữ nước, cấp nước tưới tiêu nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt
7	Đập Dun Bêu	Thôn Dun Bêu, TT. Chư Sê	5.000	4.500	Trữ nước, tưới cà phê
XIV	Huyện Chư Păh				
1	Hồ đội 3	Thôn Ia Sik, xã Ia Nhín		100.000	Tưới tiêu
2	Hồ đội 7	Thôn 7, xã Ia Nhín		5.000	Tưới tiêu
3	Hồ đội 9	Thôn 6, xã Ia Nhín		7.000	Tưới tiêu
4	Hồ thủy điện Sê San 3	Xã Ia Krengh	92.000.000	3.200.000	Phát điện và nuôi trồng thủy sản
5	Hồ thủy điện Ry Ninh II	thôn Ia Ping, thị trấn Ia Ly	286.000	43.710	Phát điện và phòng lũ
6	Hồ thủy điện Ry Ninh	Tổ 2, TT. Ia Ly	250.000	47.000	Phát điện và phòng lũ
7	Hồ thủy điện Hà Tây	Làng Kon Sơn Lang, xã Hà Tây	980.000	1.380.000	Phát điện và phòng lũ



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
8	Hồ Ia Mơ Nông	Làng A1, xã Ia Mơ Nông		640.000	Tưới tiêu cây trồng
9	Hồ Thôn 2	Thôn 2, xã Nghĩa Hưng		42.240	Tưới tiêu cây trồng
10	Hồ Ea Lũh	Làng Ea Lũh, xã Nghĩa Hưng		69.300	Tưới tiêu cây trồng
11	Hồ thủy lợi Tân Sơn	Làng Ninh, xã Nghĩa Hưng	4.400.000	420.000	Tưới tiêu phục vụ nông nghiệp
12	Hồ Thôn 4	Thôn 4, xã Nghĩa Hưng		568	Tưới tiêu cây trồng
13	Hồ Thôn 4	Thôn 4, xã Nghĩa Hưng		16.700	Tưới tiêu cây trồng
14	Hồ Thôn 6	Thôn 6, xã Nghĩa Hưng		24.880	Tưới tiêu cây trồng
15	Hồ Thôn 7	Thôn 7, xã Nghĩa Hưng		26.020	Tưới tiêu cây trồng
16	Hồ Ia Rung	Xã Nghĩa Hưng			Phát điện
XV	Huyện Phú Thiện				
1	Hồ Ayun Hạ	Thôn Thanh Thượng, xã Ayu Hạ	253.000.000	37.000	Cấp nước sinh hoạt cho nhân dân; cấp nước tưới cho canh tác
2	Hồ Klăh	Tổ dân phố 13, TT. Phú Thiện	68.750	27.500	Chứa nước và nuôi trồng thủy sản.
3	Hồ EKrá	Thanh Bình, xã Ia Peng	60.000	60.000	Chứa nước
4	Hồ Krang	Plei Kte Lớn A, xã Ia Yeng	276.000	107.000	Chứa nước, cung cấp nước tưới
5	Hồ Ktoan	Bôn Sô Mlơng, xã Ia Yeng	426.000	142.000	Chứa nước, cung cấp nước tưới
6	Hồ nước Ia Wing	Plei Kte Nhỏ, xã Ia Yeng	19.800	19.800	Chứa nước, cung cấp nước tưới
7	Hồ nước Ayun Kluh	Bôn Sô Mlơng, xã Ia Yeng	57.800	57.800	Chứa nước, cung cấp nước tưới
XVI	Huyện Ia Pa				
1	Hồ Ia Tonao Rmai	Buôn Biăh A, xã Ia Tul	10.000	5.000	Tích trữ nước phục vụ tưới tiêu nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản
2	Hồ Ia Tonao Ptao (trên)	Buôn Biăh A, xã Ia Tul	16.000	8.000	Tích trữ nước phục vụ tưới tiêu nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản
3	Hồ Ia Tonao Aliang	Buôn Biăh A, xã Ia Tul	14.000	7.000	Tích trữ nước phục vụ tưới tiêu



TT	Tên hồ, ao, đầm	Địa điểm	Dung tích (m ³)	Diện tích (m ²)	Loại hình chức năng
					nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản
4	Hồ Ia Tơnao Ptao (dưới)	Buôn Biăh A, xã Ia Tul	12.000	6.000	Tích trữ nước phục vụ tưới tiêu nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản
5	Hồ Sen	Thôn Đoàn Kết, xã Ia Mron	40.000	20.000	Tích trữ nước phục vụ tưới tiêu nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản
6	Hồ Sen	Khu vực Kte - thôn Bah Leng xã Ia Mron (<i>Danh giới giữa xã Ia Mron, Ia Pa và xã Ia Peng, huyện Phú Thiện</i>)	100.000	70.000	Tích trữ nước phục vụ tưới tiêu nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản
XVII	Huyện Krông Pa				
1	Đầm cỏi	Thôn Quỳnh Phụ, xã Ia Rsai	29.400	24.500	Cung cấp nước tưới mùa khô
2	Ao tự nhiên	Thôn Chư Jú, xã Chư Rcam	4.680	3.120	Nước tưới tiêu sản xuất
3	Hồ Ia Thong Toi	Thôn Blang, xã Chư Ngọc	106.466	89.000	Nước tưới tiêu sản xuất
4	Đầm Mơ Nao Ka Tung	Buôn Nủ, xã Ia Rsuom	205.000	171.100	Nước tưới tiêu sản xuất
5	Hồ thủy điện Đăk Srông 3A	Xã Ia Rsuom	5.900.000	1.340.000	Phát điện và phòng lũ
6	Hồ thủy điện Đăk Srông 3B	Xã Ia Rsuom	3.890.000	770.000	Phát điện và phòng lũ
7	Hồ Cây	Thôn Đông Thương, xã Chư Gu	15.000	10.000	Cung cấp nước tưới mùa khô
8	Hồ Buôn Lao	Thôn Ka Tô, xã Chư Gu	30.000	19.740	Cung cấp nước tưới mùa khô
9	Hồ Rơ Nao Kơ Nhí	Thôn Chính Hoà, xã Ia M'lah	6.000	4.000	Nước tưới tiêu sản xuất
10	Hồ Chư Gu	Xã Chư Gu			Nước tưới tiêu sản xuất
11	Hồ Phú Cần	Thôn Thắng Lợi, xã Phú Cần	952.161	351.300	Nước tưới tiêu sản xuất
12	Hồ Ia M'Lá	Xã Ia Mlah	54.150.000	4.000.000	Cấp nước tưới tiêu nông nghiệp và sinh hoạt, điều tiết lũ
13	Hồ Ia Dreh	Xã Ia Dreh	5.316.000	1.098.900	Cấp nước tưới tiêu nông nghiệp
14	Hồ thủy điện sông Ba Hạ	Xã Krông Năng	349.700.000	902.000	Phát điện và phòng lũ